

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Tâm

Ông Phạm Công Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Quang T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Kim T1**, sinh năm 1989; Địa chỉ: K đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, Nguyên đơn – ông Phạm Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng xấu và không thể kéo dài được nữa. Bản thân tôi đã nhiều lần hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả, nay tôi xác định tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T1.

Về quan hệ con chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T1 có 01 con chung là Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015. Hiện nay con chung đang do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T1 không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T1 không có nợ chung.

* Tại Đơn trình bày bà Huỳnh Thị Kim T1 có ý kiến như sau: Tôi và ông Phạm Quang T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông T làm đơn xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đồng ý.

- Về con chung: Tôi và ông Phạm Quang T có 01 con chung là Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015. Hiện nay con chung đang do tôi trực tiếp chăm sóc. Đối với con chung tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho ông Phạm Quang T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T1; Về con chung: giao con chung Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015 bà Huỳnh Thị Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Quang T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không có nên không đề cập đến; Về nợ chung: không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Quang T, bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và ông bà sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông T xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà T1.

Bà Huỳnh Thị Kim T1 có ý kiến trình bày thống nhất ly hôn với ông Phạm Quang T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, ông T cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với bà T1 nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim T1, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho bà T1, bà T1 cũng làm Đơn trình bày thể hiện ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông T. Mặc khác Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thực tế ông bà không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Quang T là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Ông Phạm Quang T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015. Ly hôn, ông T có nguyện vọng giao con chung cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay con chung đang do bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng và bà T1 cũng có ý kiến thống nhất nên việc giao con chung Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1 đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1 đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[8] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" của ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Kim T1.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 222/2013, ngày 09 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh)

2. Về quan hệ con chung: Ông Phạm Quang T và bà Huỳnh Thị Kim T1 có 01 con chung tên Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015.

Giao con chung Phạm Huỳnh Như T2, sinh ngày 06/02/2015 cho bà Huỳnh Thị Kim T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Quang T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Quang T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0005115 ngày 20/01/2025.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà